

UBND THÀNH PHỐ NHA TRANG
HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
DỰ ÁN: MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG CÁC THÀNH PHỐ DUYÊN HẢI
– TIÊU DỰ ÁN NHA TRANG (ĐỢT 17 – 04 TRƯỜNG HỢP/04 THỬA)**

Địa bàn: Phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang

(Kèm Quyết định số: 2588/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của UBND thành phố Nha Trang)

Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt: 3.980.065.000 đồng
(Bằng chữ: Ba tỷ, chín trăm tám mươi triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
Phòng Tài nguyên và Môi trường
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Hồ Thị Hải

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Thanh Liêm

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
DỰ ÁN: MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG CÁC THÀNH PHỐ DUYÊN HẢI - TIỂU DỰ ÁN NHA TRANG

A - Các căn cứ pháp lý để lập phương án:

1 - Các văn bản liên quan đến chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi; bổ sung một số Nghị định, quy định chi tiết thi hành Luật Đất Đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi; bổ sung một số Nghị định, quy định chi tiết thi hành Luật Đất Đai;
- Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành quy định về bảng giá đất ổn định định kỳ 5 năm 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc quy định Bảng giá xây dựng mới các loại công trình, vật kiến trúc và chi phí đền bù, hỗ trợ một số công trình trên đất tại địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v Quy định về bồi thường, hỗ trợ đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ viễn thông, truyền hình, điện, nước sinh hoạt khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
- Văn bản số 2483/STC-QLG ngày 01/7/20221 của Sở Tài chính về việc Giá gạo để tính hỗ trợ, ổn định đời sống và ổn định sản xuất;

2- Các văn bản liên quan đến dự án:

- Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Nha Trang Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;
- Thông báo số 785/TB-UBND ngày 25/7/2017 của UBND thành phố Nha Trang Về việc điều chỉnh nội dung tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Nha Trang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang, thành phố Nha Trang;
- Thông báo số 470/TB-UBND ngày 13/3/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi đất tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Nha Trang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án Nha Trang;
- Thông báo số 279/TB-UBND ngày 09/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang về việc điều chỉnh một số nội dung tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Nha Trang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án Nha Trang, thành phố Nha Trang và Thông báo số 470/TB-UBND ngày 13/3/2019 của UBND Nha Trang về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi đất tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Nha Trang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án Nha Trang;

- Thông báo số 1014/TB-UBND ngày 22/6/2021 của UBND thành phố Nha Trang về việc điều chỉnh vị trí, ranh giới, diện tích đối với hạng mục: Nhà máy xử lý nước thải phía Bắc (tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Nha Trang Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang, thành phố Nha Trang) và điều chỉnh vị trí, ranh giới đối với 02 hạng mục Đường Chủ Đồng Tử - Mương và Kè phía Bắc Sông Cái (tại Thông báo số 279/TB-UBND ngày 09/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang về việc điều chỉnh một số nội dung tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Nha Trang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án Nha Trang, thành phố Nha Trang và Thông báo số 470/TB-UBND ngày 13/3/2019 của UBND Nha Trang về việc điều chỉnh, bổ sung diện tích thu hồi đất tại Thông báo số 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND thành phố Nha Trang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải – Tiểu dự án Nha Trang);

- Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của UBND thành phố Nha Trang về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang;

- Quyết định số 75/QĐ-HĐBT ngày 08/4/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang V/v kiện toàn Tổ công tác giúp việc Hội đồng BT, HT, TĐC dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang;

- Thông báo số 209/TB-HĐBT ngày 30/6/2017 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang V/v kiểm kê xác định khối lượng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang thuộc các xã, phường: Vĩnh Ngọc, Vĩnh Phước, Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang;

- Thông báo số 45/TB-TTPTQĐ-PT ngày 10/7/2018 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa về việc chuyển nhượng, thu hồi đối với phần diện tích đất còn lại sau giải tỏa không đủ điều kiện xây dựng nhà ở theo quy định đối với các trường hợp giải tỏa thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang;

- Thông báo số 30/TB-TTPTQĐ-PT ngày 23/9/2021 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa về việc chuyển nhượng, thu hồi đối với phần diện tích đất còn lại sau giải tỏa không đủ điều kiện xây dựng nhà ở theo quy định đối với các trường hợp giải tỏa thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang;

- Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt giá đất cụ thể tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang.

- Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 10/01/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện BT, HT, TĐC dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang.

- Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt một số nội dung về BT, HT, TĐC khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Nha Trang để thực hiện dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang và dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Ngọc Hiệp.

- Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung tại Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v phê duyệt một số nội dung về BT, HT, TĐC khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Nha Trang để thực hiện dự án Môi trường bền vững

- Văn bản số 2915/QLĐT-QH ngày 24/8/2018 của Phòng Quản lý Đô thị về việc xác định mốc thời điểm quy hoạch dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang.

- Văn bản số 3732/UBND ngày 15/5/2019 của UBND Tp Nha Trang về việc mốc thời điểm xét bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường Bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang.

- Thông báo số 109/TB-HĐBT ngày 07/5/2019 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang V/v đo đạc, kê khai, kiểm đếm xác định khối lượng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang thuộc các xã,

- Tiêu chí bố trí tái định cư số 99/HĐBT ngày 17/5/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang

- Biên bản họp Hội đồng BT, HT, TĐC dự án ngày 23/02/2022

- Biên bản họp Hội đồng BT, HT, TĐC dự án ngày 09/3/2022

- Biên bản họp Hội đồng BT, HT, TĐC dự án ngày 04/7/2022

- Thông báo số 108/TB-HĐBT ngày 31/5/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang V/v niêm yết phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang
 - Biên bản niêm yết ngày 03/6/2022
 - Biên bản kết thúc niêm yết ngày 24/6/2022
 - Biên bản họp đối thoại ngày 07/7/2022
- Thông báo số 122/TB-HĐBT ngày 07/6/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang V/v niêm yết phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang
 - Biên bản niêm yết ngày 10/6/2022
 - Biên bản kết thúc niêm yết ngày 30/6/2022
 - Biên bản họp đối thoại ngày 07/7/2022
- Thông báo số 158/TB-HĐBT ngày 29/7/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang V/v niêm yết phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang
 - Biên bản niêm yết ngày 01/8/2022
 - Biên bản kết thúc niêm yết ngày 20/8/2022
 - Biên bản họp đối thoại ngày 24/8/2022
- Văn bản của phòng Tài nguyên và Môi trường về việc thẩm định phương án BT, HT, TĐC thuộc dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang, TP Nha Trang

B- Bồi thường hỗ trợ

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KỶ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
01	<p>Ông Bùi Thế Dũng</p> <p>- Địa chỉ thường trú: Tô 5 Tháp Bà, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang</p> <p>- Địa chỉ thửa đất giải tỏa: 14 Ngõ Đền, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang</p>	<p>* Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 18/XN-UBND ngày 03/5/2019 và số 264/XN-UBND ngày 26/5/2021 của UBND phường Vĩnh Phước xác nhận:</p> <p>Thửa số 26 - Mảnh trích đo địa chính số 48-2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 22/4/2021, tương ứng thửa số 23 Tờ bản đồ địa chính số 26, phường Vĩnh Phước</p> <p>+ Nguồn gốc đất: Do bà Trần Thị Hạnh khai hoang và sử dụng từ trước năm 1975 với diện tích như khuôn viên hiện nay. Đến năm 2011, ông Bùi Thế Dũng nhận quyền sử dụng đất theo văn bản khai nhận tài sản thừa kế có xác nhận của văn phòng công chứng Kim Ngân ngày 27/12/2011 và sử dụng ổn định đến nay. Đất có nguồn gốc là đất trồng cây lâu năm.</p> <p>Về nguồn gốc nhà: do bà Trần Thị Hạnh tạo lập như khuôn viên hiện nay trước năm 1976 (theo hóa đơn thanh toán cung cấp hơi điện hàng tháng ngày 30/11/1976 tên bà Trần Thị Hạnh).</p> <p>+ Loại đất: Đất ở tại đô thị</p> <p>+ Thời điểm sử dụng đất: Năm 2011 (theo Văn bản khai nhận tài sản thừa kế có xác nhận của văn phòng công chứng Kim Ngân ngày 27/12/2011).</p> <p>+ Thời điểm xây dựng nhà: trước năm 1976 (theo hóa đơn thanh toán cung cấp hơi điện hàng tháng ngày 30/11/1976 tên bà Trần Thị Hạnh).</p> <p>+ Tổng diện tích đất đang sử dụng: 99,2m²</p> <p>+ Tình trạng nhà đất: Hộ gia đình ăn ở sinh hoạt ổn định trên thửa đất giải tỏa.</p> <p>* Tình hình tranh chấp đối với thửa đất: Tại thời điểm xác nhận nguồn gốc quá trình sử dụng đất, không có đơn thư tranh chấp, khiếu nại.</p> <p>* Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng.</p> <p>- Diện tích đất theo giấy tờ: 90,0m²; - Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 99,2m²; - Diện tích đất chênh lệch tăng: 9,2m²; - Nguồn gốc chênh lệch tăng: do sai số đo đạc</p> <p>* Các loại giấy tờ, tài liệu liên quan: - Văn bản khai nhận tài sản thừa kế được văn phòng công chứng Kim Ngân xác nhận ngày 27/12/2011.</p>	<p>I/ Về đất:</p> <p>- Tổng diện tích (Thửa 26):</p> <p>+ DT đất giải tỏa</p> <p>+ DT đất còn lại: Thu hồi theo Điểm b. Khoản 1, Điều 8 QĐ 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 - thu hồi hết phần diện tích còn lại vì không đủ điều kiện thực hiện quyền chuyển nhượng theo quy định.</p> <p>** Căn cứ pháp lý áp dụng:</p> <p>+ Khoản 1, Điều 13, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014</p> <p>+ Điểm a Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014</p> <p>- Diện tích đất được bồi thường:</p> <p>Căn cứ Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa.</p> <p>- Bồi thường đất ở vì xây dựng nhà trước ngày 15/10/1993:</p> <p>Áp giá các thửa đất tiếp giáp đường Ngõ Đền (đoạn từ đường 2/4 đến hết chùa Hải An và hết tường đóng tàu Composit) - vị trí 1. Đơn giá: 9.600.000đ/m², nhân thêm hệ số 1,15 vì tiếp giáp 1 mặt đường và 2 mặt hẻm. 9.600.000đ/m² x 1,15 = 11.040.000đ/m²</p> <p>II/ Tài sản gắn liền với đất:</p> <p>1- Công trình, vật kiến trúc:</p> <p>+ Ngày khóa số: (TB thu hồi đất: 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND TP Nha Trang);</p> <p>** Bồi thường, hỗ trợ theo:</p> <p>+ Khoản 4, Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p> <p>+ Tiểu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt tại văn bản 1078/TG-QHQT ngày 22/6/2016;</p> <p>+ Mục 1.4, khoản 1, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư</p> <p>+ Áp dụng QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p> <p>- Nhà một tầng, tường xây gạch 100 - 200, bô trụ, mái tole, trần vật liệu thường, nền xi măng, cửa gỗ thường, sân sử dụng kết cấu BTCT, có hệ thống điện nước. DTXD: 50,9m²XD; DTGT: 37,3m²XD; DTCL: 13,6m²XD</p>	<p>m²</p> <p>m²</p> <p>m²</p> <p>m²</p> <p>m²</p> <p>m²</p> <p>m²</p> <p>m²</p> <p>m²</p> <p>m²</p> <p>m²</p> <p>m²</p> <p>m²XD</p>	<p>99,20</p> <p>82,30</p> <p>16,90</p> <p>99,20</p> <p>99,20</p> <p>99,20</p> <p>50,90</p>	<p>1.095.168.000</p> <p>11.040.000</p> <p>1.095.168.000</p> <p>344.460.667</p> <p>340.968.667</p> <p>188.115.969</p>	<p>100%</p> <p>100%</p> <p>100%</p>				

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KỶ NHẬN		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
		<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định về việc chia di sản thừa kế giữa Phạm Cao Nguyên và Trần Thị Hạnh tại tòa phúc thẩm thành phố Đà Nẵng. - Sổ hộ khẩu số 32414 do ông Bùi Thế Dũng đứng tên chủ hộ thường trú tại tổ 5 Tháp Bà, Vĩnh Phước, Nha Trang do CA TP Nha Trang cấp ngày 1/11/1997 (gồm 1 nhân khẩu) - Hóa đơn thanh toán cung cấp hơi điện hàng tháng ngày 30/11/1976 tên bà Trần Thị Hạnh. - Hóa đơn tiền điện tháng 10/1981 tên bà Trần Thị Hạnh. - Giấy biên nhận ngày 27/2/2012 tên ông Bùi Thế Dũng. - Biên nhận thanh toán tiền điện ngày 9/1/2016 tên ông Bùi Thế Dũng. - Hóa đơn dịch vụ viễn thông ngày 5/4/2015 tên ông Bùi Thế Dũng. - Biên lai thu thuế nhà đất ngày 13/11/2011 tên bà Trần Thị Hạnh. - Biên lai thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ngày 5/10/2016 tên ông Bùi Thế Dũng. - Biên bản kiểm kê khối lượng giải tỏa. - Bản tư kê khai. - Hồ sơ kỹ thuật thửa đất. - Biên bản xác định độ rộng hẻm ngày 22/6/2021 - Thửa đất tiếp giáp đường Ngô Đền (đoạn từ đường 2/4 đến hết chùa Hải Ân và hết tường đóng tàu Composit) từ 7,1m đến dưới 9,0m tương ứng vị trí 1. - Biên bản họp HDBT ngày 23/02/2022 - Thông báo số 108/TB-HDBT ngày 31/5/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang V/v niêm yết phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang - Biên bản niêm yết ngày 03/6/2022 - Biên bản kết thúc niêm yết ngày 24/6/2022 - Biên bản họp đối thoại ngày 07/7/2022 	<p><i>Áp dụng Điểm 5, khoản 2, Điều 1, QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa - Diện tích giải tỏa trên 2/3 diện tích xây dựng trở lên mà phần còn lại có diện tích xây dựng nhỏ hơn 36 m² nên được hỗ trợ hết diện tích nhà.</i></p> <p><i>Áp giá PL1, STT A7, ĐG: 3.814.030đ/m² XD, điều chỉnh với hệ số 1,14 vì tường sơn nước, đơn giá giảm 15% vì không hệ vệ sinh hoàn chỉnh và nền xi măng.</i> $3.814.030đ/m^2 \times 1,14 \times (100\% - 15\%) = 3.695.795đ/m^2$ XD</p> <p>- Trụ chờ BTCT (trên nhà mái BTCT). (0,2m x 0,2m x 2,8m) x 3 trụ</p> <p>- Nhà một tầng tường xây gạch 100 - 200, bô trụ, nền xi măng, tường sơn nước, mái BTCT, cửa gỗ, có hệ thống điện nước. DTXD: 13,4m²XD; DTGT: 10,6m²XD, DTCL: 2,8 m²XD, Vi diện tích giải tỏa lớn hơn 2/3 diện tích xây dựng và diện tích còn lại nhỏ hơn 36 m²XD nên hỗ trợ toàn bộ.</p> <p><i>Áp giá PL1, STT A5, ĐG: 3.266.890đ/m²XD. Đơn giá điều chỉnh với hệ số 1,14 vì tường sơn nước, tăng 8,5% vì mái BTCT.</i> $[3.266.890đ/m^2 \times 1,14 \times (100\% + 8,5\%)] = 4.040.816đ/m^2$ XD</p> <p>- Nhà cột kèo gỗ, vách tole, mái tole, nền xi măng, cửa gỗ, có hệ thống điện nước. DTXD = DTGT = 2,9m x 3,6m = 10,44m²XD</p> <p><i>Áp giá PL1, STT A2, ĐG: 1.721.554đ/m²XD</i></p> <p>- Công trụ xây gạch cánh lưới B40. DT: 1,8m x 2,8m = 5,04m²</p> <p><i>Áp giá PL1, STT B13, ĐG: 3.155.839đ/m²</i></p> <p>- Tường xây gạch cao 0,9m kết hợp lưới B40, cọc sắt cao 1,2m, móng 5 lớp đá chẻ dài (6,48m + 7,54m + 6,5m) - 2,8m = 17,72m</p> <p>+ Tường xây gạch cao 0,9m kết hợp lưới B40, cọc sắt cao 1,2m, móng 2 lớp đá chẻ dài (6,48m + 7,54m + 6,5m) - 2,8m = 17,72m</p> <p><i>Áp giá PL1, STT B10, ĐG: 1.700.431đ/md, giảm 8,5% vì tường cao 0,9m.</i> $1.700.431đ/md - (1.700.431đ/md \times 8,5\%) = 1.555.894đ/md$</p> <p>+ Móng 3 lớp đá chẻ dài 17,72m. DT: 0,2m x 0,6m x 17,72m = 2,126m³</p> <p><i>Áp giá PL1, STT B30, ĐG: 2.210.809đ/m³</i></p> <p>- Sân láng xi măng (có bê tông lót) DT: 4,3m x 3,3m = 14,19m²</p>	m ³	0,336					Không bồi thường vì nằm trong kết cấu nhà			
				m ² XD	13,40	4.040.816		100%	54.146.938				
				m ² XD	10,44	1.721.554		100%	17.973.024				
				m ²	5,04	3.155.839		100%	15.905.429				
				md	17,72	1.555.894		100%	27.570.448				
				m ³	2,126	2.210.809		100%	4.700.180				
				m ²	14,19	168.630		100%	2.392.860				

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			<i>Áp giá PLI, STT B17, ĐG: 168.630đ/m²</i>								
			- Nhà vệ sinh độc lập (có hầm tự hoại) mái lợp tole DT: 1,4m x 1,8m = 2,52m²	m²XD	2,52	5.511.315		100%	13.888.514		
			<i>Áp giá PLI, STT B7, ĐG: 5.511.315đ/m²XD</i>								
			- Giếng đào ø1m sâu 17,0m	m sâu	17,00	881.431		100%	14.984.327		
			<i>Áp giá PLI, STT B23, ĐG: 881.431đ/ms</i>								
			- Hầm rút nước xây gạch. 1,0m x 1,3m x 1,3m = 1,690m³	m³	1,690	763.893		100%	1.290.979		
			<i>Áp giá PLI, STT C14, ĐG: 763.893đ/m³</i>								
			2 - Tài sản khác:						1.362.000		
			<i>Áp dụng QĐ số 14/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</i>								
			- Đồng hồ điện	TH	1	1.062.000	100%		1.062.000		
			- Đồng hồ nước	TH	1	<i>Không bồi thường vì được lắp đặt đồng hồ nước tại nơi ở mới</i>					
			- Điện thoại bàn	TH	1	300.000	100%		300.000		
			3- Cây trồng:						2.130.000		
			<i>Áp dụng QĐ số 2179/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</i>								
			- Cây xạ đen loại A (<i>Áp giá cây xanh</i>)	Cây	1	150.000	100%		150.000		
			- Hoa sữa loại A	Cây	1	180.000	100%		180.000		
			- Cây mật gấu loại A (<i>Áp giá cây ngũ gia bì</i>)	Cây	10	180.000	100%		1.800.000		
			III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản: Không bồi thường theo văn bản số 1907/STNMT-CCQLĐĐ ngày 17/5/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường.						0		
			IV/ Chính sách hỗ trợ:						15.892.740		
			1- Hỗ trợ ổn định đời sống:						2.392.740		
			<i>Áp dụng Điểm 1a, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa</i>								
			(30kg/tháng x 6 tháng x 1 nhân khẩu)	Kg	180	13.293		100%	2.392.740		
			<i>(Giá gạo theo CV số 2483/STC-QLG ngày 01/7/2022 của Sở Tài Chính tỉnh Khánh Hòa. ĐG 13.293đ/kg)</i>								
			2- Hỗ trợ tiền thuê nhà:						7.500.000		
			<i>Áp dụng Điểm 2a, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</i>								
			- Hỗ trợ tiền thuê nhà: Hộ có 05 nhân khẩu trở xuống mức hỗ trợ 2.500.000đ/tháng	tháng	3	2.500.000		100%	7.500.000		
			3 - Hỗ trợ tiền di chuyển:						6.000.000		
			<i>Áp dụng Điểm 2e, Khoản 4, Điều 1, QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</i>								

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			- Hỗ trợ thêm 1 lần di chuyển đến nơi ở mới ra ngoài địa bàn phường trong thành phố Nha Trang * Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (I+II+III+IV)	hộ	1	6.000.000		100%	6.000.000	1.455.521.407	
			VI/ Phần khen thưởng Căn cứ Khoản 1 Điều 35 QĐ số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;							11.000.000	
			- Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chi chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định.	hộ	1	8.000.000			8.000.000		
			- Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng đồng viên ba (03) triệu đồng/hộ	hộ	1	3.000.000			3.000.000		
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ và khen thưởng: (I+II+III+IV+V)							1.466.521.407	
VI/ Tái định cư:											
		- Căn cứ Điều 23, Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa; - Căn cứ văn bản số 9552/CNNT ngày 12/10/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Nha Trang - hộ gia đình không sở hữu nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn phường Vĩnh Phước; - Căn cứ Quyết Định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa. - Căn cứ Biên bản chọn lô đất tái định cư (dự kiến) ngày 06/9/2022 - Hộ gia đình đã chọn: Lô số 58 Khu TĐC Ngọc Hiệp, tiếp giáp đường số 13 rộng 20m, diện tích 67,5m ² .	* Được xét giao 01 lô tái định cư - Lô số 58 Khu Tái định cư Ngọc Hiệp, diện tích 67,5m ² . Đường số 13 rộng 20m - Đơn giá đất tái định cư Lô số 58, đường số 13 rộng 20m, diện tích 67,5m ² đơn giá: 12.960.000đồng/m ² - Thành tiền: 67,5m ² x 12.960.000đ/m ² = 874.800.000đồng								

VII **Khấu trừ tiền bồi thường, hỗ trợ về đất vào giá trị đất ở được giao tại khu tái định cư:**

Căn cứ Điều 26 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 về việc ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v quy định bảng giá xây dựng mới các loại công trình, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Diện tích xây dựng nhà ở TĐC tối thiểu (Diện tích của nhà tái định cư tối thiểu không dưới 60m²): = diện tích đơn vị ở tối thiểu 15m²/người x số nhân khẩu của hộ tái định cư (được xác định theo số nhân khẩu hỗ trợ ổn định đời sống).

Đơn giá xây dựng nhà TĐC: Áp giá, PL1, mục A, STT 11, QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa: Đơn giá 3.565.458đ/m² (đơn giá mái tôn)

Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)			Xác định giá trị nhà ở tái định cư tối thiểu và số tiền phải nộp tiền SDD										Xác định số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất phải khấu trừ tiền SDD của lô TĐC và số tiền BT, HT còn lại phải trả cho hộ dân (đồng)			
Số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà và vật kiến trúc trên đất			Các khoản bồi thường, hỗ trợ không tính kinh phí khen thưởng	Tổng KP (Không có khen thưởng)	Số nhân khẩu của hộ TĐC	Số hiệu lô đất TĐC	Diện tích lô TĐC được cấp (m ²)	Đơn giá đất TĐC (đồng/m ²)	Tiền SDD lô TĐC (đồng)	DT xây nhà ở TĐC tối thiểu (m ²)	Đơn giá xây dựng nhà TĐC tối thiểu (đồng/m ²)	Giá trị nhà ở Tái định cư tối thiểu (đồng)	Số tiền giữ lại để xây nhà TĐC còn thiếu (nếu có)	Số tiền BT, HT về đất phải giữ lại nộp tiền SDD	Tiền sử dụng đất của lô TĐC còn lại phải nộp	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ còn lại (chỉ trả cho dân)
BT về đất	BTHT nhà và VKT	Tổng cộng														
(1)	(2)	(3) = (1)+(2)	(4)	(5)=(3)+(4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (8) x (9)	(11)	(12)	(13) = (11) x (12)	(14) = (13) - (2)	(15) = (13) - (14)	(16) = (10) - (15)	(17) = (5) - (15)
1.095.168.000	342.330.667	1.437.498.667	18.022.740	1.455.521.407	1	Lô số 58 Khu TĐC Ngọc Hiệp tiếp giáp đường số 13 rộng 20m	67,5	12.960.000	874.800.000	60,0	3.565.458	213.927.480	0	874.800.000	0	580.721.407

* Ghi chú: Căn cứ Điều 26 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa: Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về nhà và vật kiến trúc trên đất 342.330.667 đồng (chưa tính bồi thường, hỗ trợ về đất) lớn hơn số tiền xây dựng nhà ở tái định cư tối thiểu (213.927.480 đồng), thì hộ gia đình phải khấu trừ từ tiền bồi thường về đất (874.800.000 đồng) vào giá trị lô đất tái định cư (874.800.000 đồng)

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KỶ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
02	<p>Ông Lê Văn Tùng (chết) Bà Nguyễn Thị Lùn (chết) Con gái là Bà Lê Thị Hiếu (đại diện)</p> <p>- Địa chỉ thường trú: Tổ 8 Tháp Bà, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang</p> <p>- Địa chỉ thửa đất giải tỏa: 35/8 Ngô Đền, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang</p>	<p>** Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 739/XN-UBND ngày 15/7/2019 và xác nhận số 284/XN-UBND ngày 11/6/2021 của UBND phường Vĩnh Phước xác nhận:</p> <p><i>Thửa số 17 – Mảnh trích đo địa chính số 48-2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 22/4/2021, tương ứng thửa số 257 Tờ bản đồ địa chính số 26, phường Vĩnh Phước</i></p> <p>+ Nguồn gốc: Đất được UBND thành phố Nha Trang cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số H00887 ngày 03/02/2005 cho ông Lê Văn Tùng và bà Nguyễn Thị Lùn với diện tích 39,29m². Hiện nay ông Tùng và bà Lùn đã chết. Đề nghị mở thửa kế theo quy định với phần diện tích 39,29m². Loại đất: đất ở tại đô thị.</p> <p>+ Thời điểm sử dụng đất: Tháng 02/2005 (Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số H00887 ngày 03/02/2005)</p> <p>+ Thời điểm xây dựng nhà, vật kiến trúc: Tháng 02/2005 (Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số H00887 ngày 03/02/2005)</p> <p>+ Mốc quy hoạch: ngày 25/7/2018 và 11/01/2010</p> <p>+ Tổng diện tích đất đang sử dụng: 76,2m²</p> <p>+ Loại đất: Đất ở tại đô thị</p> <p>* Tình hình tranh chấp đối với thửa đất: Hiện nay, tại thửa đất giải tỏa không có đơn thư tranh chấp, khiếu nại.</p> <p>* Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng.</p> <p>- Diện tích đất theo giấy tờ: 39,29m²</p> <p>- Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 76,2m²</p> <p>- Diện tích đất chênh lệch tăng: 36,91m²</p> <p>- Nguồn gốc tăng tăng do: Sử dụng phần đất phạm lô giới không công nhận quyền sử dụng đất.</p> <p>* Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên:</p> <p>- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số H00887 được UBND thành phố Nha Trang cấp ngày 21/01/2005 ngày 03/02/2005 cho ông Lê Văn Tùng và bà Nguyễn Thị Lùn.</p> <p>- Sổ hộ khẩu số 32371 do CA TP Nha Trang do bà Nguyễn Thị Lùn đứng tên chủ hộ.</p> <p>- Sổ hộ khẩu số 330170294 do CA TP Nha Trang cấp ngày 29/7/2013 do ông Nguyễn Thành Sinh đứng tên chủ hộ.</p> <p>- Sổ hộ khẩu số 330102387 do CA TP Nha Trang cấp</p>	<p>I/ Về đất:</p> <p>- Tổng diện tích (Thửa 17): m² 76,20</p> <p>+ DT đất giải tỏa: (53,2m² + 23,00m² = 76,2m²) m² 76,20</p> <p>+ DT đất còn lại: Thu hồi theo Điểm a, Khoản 1, Điều 8 QĐ 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 do diện tích nhỏ không đủ điều kiện để ở. m² 0,00</p> <p>** Căn cứ pháp lý áp dụng:</p> <p>+ Điều 75, Luật Đất đai năm 2013</p> <p>- Diện tích đất được bồi thường: m² 39,29</p> <p>Căn cứ Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa.</p> <p>+ Bồi thường đất ở: m² 39,29 4.800.000 100% 188.592.000</p> <p><i>Áp giá đường Ngô Đền (đoạn từ đường 2/4 đến hết chùa Hải An và hết tường đóng tàu Composit) - vị trí 3. Đơn giá: 4.800.000đ/m²</i></p> <p>- Diện tích đất không bồi thường: m² 36,91 <i>Không bồi thường vì đất phạm lô giới không Công nhận QSD đất</i></p> <p>- Phần hỗ trợ về đất</p> <p>** Căn cứ pháp lý áp dụng:</p> <p>+ Điểm 8a khoản 4, Điều 1 QĐ 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/03/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa</p> <p>+ Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa</p> <p>- Hỗ trợ theo đơn giá đất trồng cây lâu năm m² 36,91 1.260.000 90% 41.855.940</p> <p><i>Áp giá đường Ngô Đền (đoạn từ đường 2/4 đến hết chùa Hải An và hết tường đóng tàu Composit) - vị trí 3. Đơn giá: 1.260.000đ/m²</i></p> <p>III Tài sản gắn liền với đất:</p> <p>1- Công trình, vật kiến trúc:</p> <p>+ Ngày khóa sổ: (TB thu hồi đất: 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND TP Nha Trang);</p> <p>** Bồi thường, hỗ trợ theo:</p> <p>+ Khoản 4, Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p> <p>+ Tiểu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt tại văn bản 1078/TTg-QHQT ngày 22/6/2016;</p> <p>+ Mục 1.4, khoản I, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư.</p> <p>+ Áp dụng QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p>							230.447.940		
										195.284.753		
										193.672.753		

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
		<p>ngày 07/12/2011 do ông Kim Thành Nam đứng tên chủ hộ.</p> <p>- Chứng minh nhân dân số 235432224 do CA tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 13/6/2007 tên ông Lê Văn Nhơn.</p> <p>- Chứng minh nhân dân số 225022818 do CA tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 29/12/2004 tên bà Lê Thị Kim Thanh.</p> <p>- Sơ họa mốc giới, bình đồ thửa đất ngày 11/7/1978 tên ông Lê Văn Tùng.</p> <p>- Giấy báo, giấy biên nhận tiền nước tháng 8/2017 tên bà Nguyễn Thị Lùn.</p> <p>- Phiếu thu tiền dịch vụ VTV Cab tháng 9/2017 tên bà Lê Thị Kim Chúc.</p> <p>- Biên bản kiểm kê khối lượng giải tỏa.</p> <p>- Bản tự kê khai.</p> <p>- Phiếu xác nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất.</p> <p>- Thửa đất tiếp giáp đường Ngô Đền (đoạn từ đường 2/4 đến hết chùa Hải Ân và hết xưởng đóng tàu Composit) - từ 3,5m đến dưới 6m tương ứng vị trí 3 (Theo biên bản xác định độ rộng hẻm ngày 22/6/2021).</p> <p>- Biên bản họp HĐBT ngày 23/02/2022</p> <p>- Thông báo số 108/TB-HĐBT ngày 31/5/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang V/v niêm yết phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang</p> <p>- Biên bản niêm yết ngày 03/6/2022</p> <p>- Biên bản kết thúc niêm yết ngày 24/6/2022</p> <p>- Biên bản họp đối thoại ngày 07/7/2022</p>	<p>- Nhà 2 tầng khung cột BTCT, sàn gỗ, mái tole, trần nhựa, tường chịu lực, nền lát gạch men, tường sơn nước, cửa sắt kính, hệ vệ sinh hoàn chỉnh, có hệ thống điện nước. Do thu hồi hết diện tích đất nên bồi thường toàn bộ diện tích xây dựng nhà. DTXD = DTGT 32,6m²XD (Nhà được công nhận tại GCNQSDĐ số H00887)</p> <p>Áp giá PL1, STT A12, ĐG: 4.338.125đ/m² XD. Đơn giá điều chỉnh với hệ số 1,14 vì tường sơn nước 4.338.125đ/m²XD x 1,14 = 4.945.463đ/m² XD</p> <p>- Ốp men bếp DT: (3,7m x 0,6m) + (1,2m x 0,6m) = 2,94m² Áp giá PL2, STT A33, ĐG: 309.524đ/m²</p> <p>- Công trụ xây gạch cánh thép hình. DT: 1,83m x 1,8m = 3,29m² Áp giá PL1, STT B13, ĐG: 3.155.839đ/m²</p> <p>- Tường xây gạch cao 0,8m trụ gạch, kết hợp hoa song sắt cao 1,0m dài 4,97m, móng 2 lớp đá chẻ Áp giá PL1, STT B10, ĐG: 1.700.431đ/md</p> <p>- Nền xi măng (có bê tông lót). DT: 43,6m²; DTGT: 40,7m² Áp giá PL1, STT B17, ĐG: 168.630đ/m²</p> <p>- Tường xây gạch cao 2,7m móng 2 lớp đá chẻ, dài 3,2m</p> <p>+ Tường xây gạch cao 1,6m móng 2 lớp đá chẻ, dài 3,2m Áp giá PL1, STT B9, ĐG: 861.578đ/md</p> <p>+ Xây tường gạch ống dày 10cm cao 1,1m, dài 3,2m. DT: 1,1m x 3,2m = 3,52m² Áp giá PL2, STT A9, ĐG: 138.970đ/m²</p> <p>- Tường xây gạch cao 1,3m móng 2 lớp đá chẻ, dài 3,0m Áp giá PL1, STT B9, ĐG: 861.578đ/md</p> <p>2 - Tài sản khác: Áp dụng QĐ số 14/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa:</p> <p>- Công tơ điện: 1 trường hợp</p> <p>- Đồng hồ nước: 1 trường hợp</p> <p>- Truyền hình cáp: 1 trường hợp</p> <p>3 - Cây trồng: Không có</p> <p>III. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản:</p>	m ² XD	32,60	4.945.463	100%		161.222.078			
				m ²	2,94	309.524		100%	910.001			
				m ²	3,29	3.155.839		100%	10.395.334			
				md	4,97	1.700.431		100%	8.451.142			
				m ²	40,70	168.630		100%	6.863.241			
				md	3,20	861.578		100%	2.757.050			
				m ²	3,52	138.970		100%	489.174			
				md	3,00	861.578		100%	2.584.734			
									1.612.000			
				TH	1	1.062.000	100%		1.062.000			
				TH	1	Không bồi thường vì được lắp đặt đồng hồ nước tại nơi ở mới						
				TH	1	550.000	100%		550.000			
									0			
									6.000.000			

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			<i>Áp dụng Điểm b, Khoản 1, Điều 14 QĐ số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa</i>								
			- Bồi thường chi phí di chuyển đến chỗ ở mới ra ngoài địa bàn phường trong TP Nha Trang: 6.000.000đ/hộ	hộ	1	6.000.000	100%		6.000.000		
			IV/ Chính sách hỗ trợ:						75.747.540		
			1- Hỗ trợ ổn định đời sống:						50.247.540		
			+ <i>Áp dụng Điểm 1a, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</i> + <i>Căn cứ biên bản xác minh số nhân khẩu và tình trạng ăn ở thực tế của UBND phường Vĩnh Phước ngày 8/10/2021 (STT 06).</i>								
			(30kg/tháng x 6 tháng x 21 nhân khẩu)	kg	3780	13.293		100%	50.247.540		
			<i>(Giá gạo theo CV số 2483/STC-QLG ngày 01/7/2022 của Sở Tài Chính tỉnh Khánh Hòa. ĐG 13.293đ/kg)</i>								
			2- Hỗ trợ tiền thuê nhà:						19.500.000		
			<i>Áp dụng Điểm 2a, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</i>								
			- Hỗ trợ tiền thuê nhà: Hộ có 05 nhân khẩu trở xuống mức hỗ trợ 2.500.000đ/tháng	tháng	3	2.500.000		100%	7.500.000		
			- Hỗ trợ đối với nhân khẩu từ thứ 06 trở lên (16NK) (250.000đ/ tháng x 16NK tăng thêm = 4.000.000đ/ tháng)	tháng	3	4.000.000		100%	12.000.000		
			3 - Hỗ trợ tiền di chuyển:						6.000.000		
			<i>Áp dụng Điểm 2e, Khoản 4, Điều 1, QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</i>								
			- Hỗ trợ thêm 1 lần di chuyển đến nơi ở mới ra ngoài địa bàn phường trong thành phố Nha Trang	hộ	1	6.000.000		100%	6.000.000		
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (I+II+III+IV)						507.480.233		
			V/ Phần khen thưởng						11.000.000		
			<i>Căn cứ Khoản 1 Điều 35 QĐ số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</i>								
			- Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chỉ chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định.	hộ	1	8.000.000			8.000.000		
			- Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng đồng viên ba (03) triệu đồng/hộ	hộ	1	3.000.000			3.000.000		

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ và khen thưởng : (I+II+III+IV+V)							518.480.233		
VI/ Tái định cư:												
	<p>- Căn cứ Điều 23, Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p> <p>- Căn cứ văn bản số 9552/CNNT ngày 12/10/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Nha Trang - hộ gia đình không sở hữu nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn phường Vĩnh Phước;</p> <p>- Căn cứ Quyết Định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa.</p> <p>- Căn cứ Biên bản chọn lô đất tái định cư (dự kiến) ngày 06/9/2022 - Hộ gia đình đã chọn: Lô số 60 Khu TĐC Ngọc Hiệp, tiếp giáp đường số 3 rộng 10m, diện tích 94,5m².</p>			<p>* Được xét giao 01 lô tái định cư</p> <p>- Lô số 60 Khu Tái định cư Ngọc Hiệp, diện tích 94,5m², Đường số 3 rộng 10m.</p> <p>- Đơn giá đất tái định cư Lô số 60, đường số 3 rộng 10m, diện tích 94,5m² đơn giá: 9.000.000đồng/m²</p> <p>- Thành tiền: 94,5m² x 9.000.000đ/m² = 850.500.000 đồng</p>								

- VII **Khấu trừ tiền bồi thường, hỗ trợ về đất vào giá trị đất ở được giao tại khu tái định cư:**
- Căn cứ Điều 26 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 về việc ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
 - Căn cứ QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v quy định bảng giá xây dựng mới các loại công trình, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
 - + **Diện tích xây dựng nhà ở TĐC tối thiểu** (Diện tích của nhà tái định cư tối thiểu không dưới 60m²): = diện tích đơn vị ở tối thiểu 15m²/người x số nhân khẩu của hộ tái định cư (được xác định theo số nhân khẩu hỗ trợ ổn định đời sống).
 - + **Đơn giá xây dựng nhà TĐC:** Áp giá, PL1, mục A, STT 11, QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa: Đơn giá 3.565.458đ/m² (đơn giá mái tôn)

Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)					Xác định giá trị nhà ở tái định cư tối thiểu và số tiền phải nộp tiền SDD							Xác định số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất phải khấu trừ tiền SDD của lô TĐC và số tiền BT, HT còn lại phải trả cho hộ dân (đồng)				
Số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà và vật kiến trúc trên đất			Các khoản bồi thường, hỗ trợ không tính kinh phí khen thưởng	Tổng KP (Không có khen thưởng)	Số nhân khẩu của hộ TĐC	Số hiệu lô đất TĐC	Diện tích lô TĐC được cấp (m ²)	Đơn giá đất TĐC (đồng/m ²)	Tiền SDD lô TĐC (đồng)	DT xây nhà ở TĐC tối thiểu (m ²)	Đơn giá xây dựng nhà TĐC tối thiểu (đồng/m ²)	Giá trị nhà ở Tái định cư tối thiểu (đồng)	Số tiền giữ lại để xây nhà TĐC còn thiếu (nếu có)	Số tiền BT, HT về đất phải giữ lại nộp tiền SDD	Tiền sử dụng đất của lô TĐC còn lại phải nộp	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ còn lại (chi trả cho dân)
BT về đất	BTHT nhà và VKT	Tổng cộng														
(1)	(2)	(3) = (1)+(2)	(4)	(5)=(3)+(4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (8) x (9)	(11)	(12)	(13) = (11) x (12)	(14) = (13) - (2)	(15) = (13) - (14)	(16) = (10) - (15)	(17) = (5) - (15)
230.447.940	195.284.753	425.732.693	81.747.540	507.480.233	21	Lô số 60 Khu TĐC Ngọc Hiệp tiếp giáp đường số 3 rộng 10m	94,5	9.000.000	850.500.000	315,0	3.565.458	1.123.119.270	927.834.517	0	850.500.000	507.480.233

* Ghi chú: Căn cứ Điều 26 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa: Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà và vật kiến trúc trên đất (230.447.940 đồng + 195.284.753 đồng = 425.732.693 đồng) nhỏ hơn số tiền xây nhà ở tái định cư tối thiểu (1.123.119.270 đồng), thì không thực hiện khấu trừ tiền bồi thường, hỗ trợ về đất (230.447.940 đồng) vào giá trị lô đất tái định cư (850.500.000 đồng).

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tòa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
03	Ông Nguyễn Điện (chết) Bà Huỳnh Thị Lệ Kim Hoa	<p>**Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 02/XN-UBND ngày 03/5/2019 và GXN số 1372/XN-UBND ngày 31/12/2021 của UBND phường Vĩnh Phước xác nhận:</p> <p><i>Thửa số 18 - Mảnh trích đo địa chính số 48-2021 (bản vẽ được đo đạc chỉnh lý theo bản trích đo địa chính số 48-2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 22/4/2021) do Trung tâm Phát triển Quy hoạch đô thị Khánh Hòa đo vẽ 16/7/2021, tương ứng thửa số 16 Tờ bản đồ địa chính số 26, phường Vĩnh Phước</i></p> <p>+ Nguồn gốc: Đất của Ông Nguyễn Điện (chết) và bà Huỳnh Thị Lệ Kim Hoa đã được UBND thành phố Nha Trang cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02665/22333 ngày 28/4/2016 với diện tích 88,8m². Loại đất: ODT</p> <p>+ Thời điểm sử dụng đất: Theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02665/22333 ngày 28/4/2016</p> <p>+ Thời điểm xây dựng nhà: Năm 1997 (theo sổ hộ khẩu số 32372 cấp 1/11/1997).</p> <p>+ Tổng diện tích đất đang sử dụng: 88,8m²</p> <p>+ Khuôn viên, ranh giới thửa đất: Đông giáp: thửa 20 - Bắc giáp: Hộ dân Tây giáp: thửa 17 - Nam giáp: đường đi</p> <p>+ Loại đất: Đất ở đô thị</p> <p>- Quá trình sử dụng đất: + Những thay đổi về diện tích đất, khuôn viên, ranh giới thửa đất: Không + Những thay đổi về loại đất: Không.</p> <p>- Tình hình tranh chấp đối với thửa đất: Hiện nay, không có đơn thư tranh chấp, khiếu nại.</p> <p>- Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng: Không</p> <p>- Trường hợp địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ: - Địa chỉ thửa đất theo giấy tờ: Tổ 4, Tháp Bà, Vĩnh Phước, Nha Trang. - Địa chỉ thửa đất đang sử dụng: 35/6 Ngô Đền, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang <i>Thực tế hai địa chỉ nêu trên là cùng một thửa đất.</i></p> <p>** Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên:</p>	<p>I/ Về đất:</p> <p>- Tổng diện tích (Thửa số 18): m² 88,80</p> <p>+ DT đất giải tỏa: m² 62,10</p> <p>+ DT đất còn lại: Căn cứ Điểm a, Khoản 1, Điều 8 QĐ 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 - đã chuyển nhượng cho hộ liên kế theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 12/9/2022 có xác nhận của Văn phòng công chứng Hoàng Long</p> <p>** Căn cứ pháp lý áp dụng: + Khoản 1, Điều 75, Luật Đất đai năm 2013</p> <p>- Diện tích đất được bồi thường: m² 62,10 <i>Căn cứ Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa.</i></p> <p>+ Bồi thường đất ở: m² 62,10 4.800.000 100% 298.080.000</p> <p><i>Áp giá các thửa đất tiếp giáp đường Ngô Đền (đoạn từ đường 2/4 đến hết chùa Hải An và hết xương đồng tâu Composit) - vị trí 3; đơn giá: 4.800.000đ/m² theo mục II, STT 03 (tại phường Vĩnh Phước)</i></p> <p>II/ Tài sản gắn liền với đất:</p> <p>1- Công trình, vật kiến trúc:</p> <p>+ Ngày khóa số: (TB thu hồi đất: 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND TP Nha Trang);</p> <p>** Bồi thường, hỗ trợ theo: + Khoản 4, Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; + Tiểu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt tại văn bản 1078/TTg-QHQT ngày 22/6/2016; + Mục 1.4, khoản I, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư. + Áp dụng QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p> <p>- Nhà 3 tầng, khung, cột, sàn BTCT, mái fibro xi măng trần gỗ, nền lát gạch men, tường sơn nước, cửa sắt kéo + nhôm kính, có hệ thống điện nước, hệ vệ sinh hoàn chỉnh, mặt tiền có trang trí đá rửa (Sàn 1: (1,8m x 3,0m) + (1,5m x 3,0m); Sàn 2: (6,3m + 2,4m) x 3,0m - (3,0m x 1,5m) + 1,0m2; Sàn 3: (3,0m x 2,0m) + (7,9m x 1,0m) + DTXD: Sàn 1: 54,46m²; Sàn 2: 56,43 m²; Sàn 3: 30,23 m² + DTGT: Sàn 1: 32,0m²; Sàn 2: 32,0m²; Sàn 3: 23,23m²</p>							298.080.000		
										688.075.850		
										686.163.850		
				m ² Sàn	87,23	5.862.517	100%		511.387.381			

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tòa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN		
				5	6	7	8	9	10	11	12		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
		<p>Chứng nhận quyền sử dụng đất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02665/22333 tên ông Nguyễn Điện (chết) và bà Huỳnh Thị Lệ Hoa được Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang cấp ngày 28/04/2016. Diện tích: 88,8m² loại đất: ODT. - Sổ hộ khẩu số 220116775 bà Huỳnh Thị Lệ Hoa chủ hộ. Gồm 2 nhân khẩu. Thường trú Tô 4, Tháp Bà, Vinh Phước, Nha Trang. - Sổ hộ khẩu số 330033911 bà Nguyễn Thị Thanh Xuân chủ hộ. Gồm 4 nhân khẩu. Thường trú Tô 4, Tháp Bà, Vinh Phước, Nha Trang. - Biên nhận thanh toán tiền điện 11/9/2017 - Phiếu thu tiền VTV cab - Biên nhận thanh toán dịch vụ viễn thông - Giấy biên nhận tiền nước - Biên bản kiểm kê khối lượng giải tỏa - Bản tự kê khai. - Thừa đất tiếp giáp đường Ngô Đền (đoạn từ đường 2/4 đến hết chùa Hải Ân và hết tường đóng tàu Composit) từ 3,5m đến dưới 6m tương ứng vị trí 3 (Theo biên bản xác định độ rộng hẻm ngày 22/6/2021). - Biên bản họp HĐBT ngày 09/3/2022 - Thông báo số 122/TB-HĐBT ngày 07/6/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang V/v niêm yết phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang - Biên bản niêm yết ngày 10/6/2022 - Biên bản kết thúc niêm yết ngày 30/6/2022 - Biên bản họp đối thoại ngày 07/7/2022 - Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/09/2022 có xác nhận của văn phòng công chứng Hoàng Long 	<p>** Tổng diện tích sàn: 54,46m² + 56,43m² + 30,23m² = 141,12m²sàn</p> <p>Tổng Diện Tích Giải Toả: 32,0m² + 32,0m² + 23,23m²= 87,23m²sàn</p> <p>Áp giá PL1, STT A17, ĐG: 5.142.559đ/m²sàn. Đơn giá điều chỉnh hệ số điều chỉnh 1,14 vì tường sơn nước. 5.142.559đ/m² sàn x 1,14 = 5.862.517đ/m² sàn</p> <p>+ Ôp đá rửa mặt tiền nhà Sân 1:(1,8m x 3,0m) + (1,5m x 3,0m); Sân : (6,3m + 2,4m) x 3,0m - (3,0m x 1,5m) + 1,0m²; Sân 3: (3,0m x 2,0m) + (7,9m x 1,0m) = 46,40m²</p> <p>Áp giá PL2, STT A34, ĐG: 1.751.793đ/m²</p> <p>- Ôp men nhà bếp: (1,05m x 5,0m) + (5,0m x 0,55m) + (0,6m x 0,6m) = 8,36m²</p> <p>(Áp giá PL2, STT A33, ĐG: 309.524đ/m²)</p> <p>- Công trụ xây gạch, cánh thép tấm + hình. DT: 2,2m x 2,5m = 5,5m²</p> <p>(Áp giá PL1, STT B13, ĐG: 3.155.839đ/m²)</p> <p>- Mái che cột kèo st, mái lợp tole, nền gạch men (Sàn 1). DT: 10,99m² + 19,95 m² = 30,94 m².</p> <p>Áp giá PL1, STT B4, ĐG: 1.078.134đ/m². Cộng thêm (327.371 đ/m² - 168.630 đ/m²) vì nền gạch men. Đơn giá: 1.236.875 đ/m².</p> <p>kèm bảng xác minh sơ họa - kích thước do Trung tâm Phát Triển Quy hoạch Đô thị Khánh Hòa lập ngày 20/09/2022</p> <p>- Bể chứa nước xây gạch (S2). Khối lượng: 2,2m x 0,9m x 1,0m = 1,98m³</p> <p>Áp giá PL1, STT B27, ĐG: 2.245.198đ/m³</p> <p>- Mái che cột trụ bê tông, kèo sắt, mái lợp tole, nền lát gạch bát trắng (Sàn 3). DT: 3,8m x 4,3m = 16,34m² (đã sập do bão 2017)</p> <p>Áp giá PL1, STT B5, ĐG: 1.243.345đ/m²</p> <p>- Bể chứa nước xây gạch (S3). Khối lượng: 2,1m x 1,5m x 0,9m = 2,835m³</p> <p>Áp giá PL1, STT B27, ĐG: 2.245.198đ/m³</p> <p>- Tường rào xây gạch (cao 0,66m) + khung sắt lưới B40 + hoa song sắt (cao 1,4m), móng 6 lớp đá chẻ, dài 6,0m.</p> <p>+ Tường rào xây gạch (cao 0,66m) + khung sắt lưới B40 + hoa song sắt (cao 1,4m), móng 2 lớp đá chẻ, dài 6,0m.</p> <p>Áp giá PL1, STT B10, ĐG: 1.700.431đ/md, giảm 8,5% vì tường cao 0,66m 1.700.431đ/md x (100% - 8,5%) = 1.555.894đ/m²</p> <p>+ Móng 4 lớp đá chẻ 0,2m x 0,8m x 6,0m = 0,96m³</p> <p>Áp giá PL1, STT B30, ĐG: 2.210.809đ/m³</p> <p>- Tường rào xây gạch (cao 2,0m), móng 6 lớp đá chẻ, dài 5,6m.</p>		46,40	1.751.793	100%		81.283.195				
				m ²	8,36	309.524	100%			2.587.621			
				m ²	5,50	3.155.839		100%		17.357.115			
				m ²	30,94	1.236.875		100%		38.268.913			
				m ³	1,980	2.245.198		100%		4.445.492			
				m ²	16,34	Không hỗ trợ vì không có xác nhận của UBND phường.							
				m ³	2,835	2.245.198		100%		6.365.136			
				md	6,00	1.555.894		100%		9.335.366			
				m ³	0,960	2.210.809		100%		2.122.377			

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			+ Tường rào xây gạch cao 1,6m, móng 2 lớp đá chẻ, dài 5,6m.	md	5,60	861.578		100%	4.824.837		
			<i>Áp giá PL1, STT B9, ĐG: 861.578đ/md</i>								
			+ Xây tường gạch ống dày 10cm (cao <= 4m). DT: 0,4m x 5,6m = 2,24m ²	m ²	2,24	138.970		100%	311.293		
			<i>Áp giá PL2, STT A9, ĐG: 138.970đ/m²</i>								
			+ Móng 4 lớp đá chẻ 0,2m x 0,8m x 5,6m = 0,896m ³	m ³	0,896	2.210.809		100%	1.980.885		
			<i>Áp giá PL1, STT B30, ĐG: 2.210.809đ/m³</i>								
			- Tường rào xây gạch (cao 1,6m), móng 6 lớp đá chẻ, dài (2,45m + 2,4m = 4,85m)								
			+ Tường rào xây gạch (cao 1,6m), móng 2 lớp đá chẻ, dài (2,45m + 2,4m = 4,85m)	md	4,85	861.578		100%	4.178.653		
			<i>Áp giá PL1, STT B9, ĐG: 861.578đ/md</i>								
			+ Móng 4 lớp đá chẻ: 0,2m x 0,8m x (2,45m + 2,4m) = 0,776m ³	m ³	0,776	2.210.809		100%	1.715.588		
			<i>Áp giá PL1, STT B30, ĐG: 2.210.809đ/m³</i>								
			2 - Tài sản khác:						1.912.000		
			<i>Áp dụng QĐ số 14/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</i>								
			- Công tơ điện: 1 trường hợp	TH	1	1.062.000	100%		1.062.000		
			- Đồng hồ nước: 1 trường hợp	TH	1	<i>Không bồi thường vì được lắp đặt đồng hồ nước tại nơi ở mới</i>					
			- Điện thoại bàn: 1 trường hợp	TH	1	300.000	100%		300.000		
			- Truyền hình cáp: 1 trường hợp	TH	1	550.000	100%		550.000		
			3 - Cây trồng:						0		
			Không có								
			III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản:						7.200.000		
			<i>Áp dụng Điểm b, Khoản 1, Điều 14 QĐ số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa</i>								
			- Bồi thường chi phí di chuyển đến chỗ ở mới ra ngoài địa bàn phường trong TP Nha Trang: 6.000.000đ/hộ, Tăng 20% cho tầng 3. Đơn giá: 6.000.000đ/hộ	hộ	1	6.000.000	100%		6.000.000		
			- Bổ sung bằng 20% mức chi phí tương ứng tính từ tầng thứ 3 trở lên: Đơn giá: 6.000.000đ/hộ x 20% = 1.200.000đ/tầng	tầng	1	1.200.000	100%		1.200.000		
			IV/ Chính sách hỗ trợ:						25.463.700		
			1 - Hỗ trợ ổn định đời sống:						11.963.700		
			<i>Áp dụng Điểm 1a, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</i>								
			(30kg/tháng x 6 tháng x 5 nhân khẩu)	kg	900	13.293		100%	11.963.700		
			<i>(Giá gạo theo CV số 2483/STC-QLG ngày 01/7/2022 của Sở Tài Chính tỉnh Khánh Hòa. ĐG 13.293đ/kg)</i>								

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BÔI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KỶ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			2 - Hỗ trợ tiền thuê nhà: <i>Áp dụng Điểm 2a, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</i>						7.500.000		
			- Hỗ trợ tiền thuê nhà: Hộ có 05 nhân khẩu trở xuống mức hỗ trợ 2.500.000đ/tháng	tháng	3	2.500.000		100%	7.500.000		
			3 - Hỗ trợ di chuyển: <i>Áp dụng Điểm 2e, Khoản 4, Điều 1, QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</i>						6.000.000		
			- Hỗ trợ thêm 1 lần di chuyển đến nơi ở mới ra ngoài địa bàn phường trong thành phố Nha Trang	hộ	1	6.000.000		100%	6.000.000		
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: (I + II + III + IV)						1.018.819.550		
			V/ Phần khen thưởng <i>Căn cứ Khoản 1, Điều 35, Quyết định 10/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa:</i>						11.000.000		
			- Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chỉ chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định.	hộ	1	8.000.000			8.000.000		
			- Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng động viên ba (03) triệu đồng/hộ	hộ	1	3.000.000			3.000.000		
			* Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng (I+II+III+IV+V):							1.029.819.550	
VII Tái định cư:											
	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Điều 23, Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa; - Căn cứ văn bản số 9552/CNNT ngày 12/10/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Nha Trang - hộ gia đình không sở hữu nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn phường Vĩnh Phước; - Căn cứ Quyết Định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa. - Căn cứ Biên bản chọn lô đất tái định cư (dự kiến) ngày 06/9/2022 - Hộ gia đình đã chọn: Lô số 27 Khu TĐC Ngọc Hiệp, tiếp giáp đường số 3 rộng 10m, diện tích 105,0m². 		<ul style="list-style-type: none"> * Được xét giao 01 lô tái định cư - Lô số 27 Khu Tái định cư Ngọc Hiệp, diện tích 105,0m², đường số 3 rộng 10m - Đơn giá đất tái định cư Lô số 27, đường số 3 rộng 10m, diện tích 105,0m² đơn giá: 9.000.000đồng/m² - Thành tiền: 105,0m² x 9.000.000đ/m² = 945.000.000đồng 								

VII Khấu trừ tiền bồi thường, hỗ trợ về đất vào giá trị đất ở được giao tại khu tái định cư:

Căn cứ Điều 26 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 về việc ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v quy định bảng giá xây dựng mới các loại công trình, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa:

Diện tích xây dựng nhà ở TĐC tối thiểu (Diện tích của nhà tái định cư tối thiểu không dưới 60m²): = diện tích đơn vị ở tối thiểu 15m²/người x số nhân khẩu của hộ tái định cư (được xác định theo số nhân khẩu hỗ trợ ổn định đời sống).

Đơn giá xây dựng nhà TĐC: Áp giá, PL1, mục A, STT 11, QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa: Đơn giá 3.565.458đ/m² (đơn giá mái tôn)

Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)					Xác định giá trị nhà ở tái định cư tối thiểu và số tiền phải nộp tiền SDD								Xác định số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất phải khấu trừ tiền SDD của lô TĐC và số tiền BT, HT còn lại phải trả cho hộ dân (đồng)			
Số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà và vật kiến trúc trên đất			Các khoản bồi thường, hỗ trợ không tính kinh phí khen thưởng	Tổng KP (Không có khen thưởng)	Số nhân khẩu của hộ TĐC	Số hiệu lô đất TĐC	Diện tích lô TĐC được cấp (m ²)	Đơn giá đất TĐC (đồng/m ²)	Tiền SDD lô TĐC (đồng)	DT xây nhà ở TĐC tối thiểu (m ²)	Đơn giá xây dựng nhà TĐC tối thiểu (đồng/m ²)	Giá trị nhà ở Tái định cư tối thiểu (đồng)	Số tiền giữ lại để xây nhà TĐC còn thiếu (nếu có)	Số tiền BT, HT về đất phải giữ lại nộp tiền SDD	Tiền sử dụng đất của lô TĐC còn lại phải nộp	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ còn lại (chỉ trả cho dân)
BT về đất	BTHT nhà và VKT	Tổng cộng														
(1)	(2)	(3) = (1)+(2)	(4)	(5)=(3)+(4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (8) x (9)	(11)	(12)	(13) = (11) x (12)	(14) = (13) - (2)	(15) = (13) - (14)	(16) = (10) - (15)	(17) = (5) - (15)
298.080.000	688.075.850	986.155.850	32.663.700	1.018.819.550	5	Lô số 27 Khu TĐC Ngọc Hiệp tiếp giáp đường số 3 rộng 10m	105,0	9.000.000	945.000.000	75,0	3.565.458	267.409.350	0	298.080.000	646.920.000	720.739.550

* Ghi chú: Căn cứ Điều 26 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa: Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về nhà và vật kiến trúc trên đất 688.075.850 đồng (chưa tính bồi thường, hỗ trợ về đất) lớn hơn số tiền xây dựng nhà ở tái định cư tối thiểu (267.409.350 đồng), thì hộ gia đình phải khấu trừ từ tiền bồi thường về đất (298.080.000 đồng) vào giá trị lô đất tái định cư (945.000.000 đồng)

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KỶ NHẬN		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
04	Ông Trần Quang Linh - Địa chỉ thường trú: Tổ 04 Tháp Bà, P. Vĩnh Phước, Tp Nha Trang. Địa chỉ thửa đất giải tỏa: Tổ 08 Tháp Bà, P. Vĩnh Phước, Tp Nha Trang.	<p>** Giấy xác nhận về thửa đất bị thu hồi để phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất số 677/XN-UBND ngày 27/5/2022 (thay thế GXN số 433/XN-UBND ngày 05/4/2022) của UBND phường Vĩnh Phước xác nhận:</p> <p><i>Thửa số 93 - Mảnh trích đo địa chính số 48-2021 (bản vẽ được đo đạc chỉnh lý theo bản trích đo địa chính số 48-2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 22/4/2021), do Trung tâm Phát triển quỹ đất Khánh Hòa đo vẽ ngày 16/7/2021 tương ứng thửa số 20, tờ bản đồ địa chính số 25, phường Vĩnh Phước (tương ứng thửa số 80 tờ BD chỉnh lý số 25), Vĩnh Phước.</i></p> <p>* Về nguồn gốc đất:</p> <p>Đất do ông Hồ Tá Trung và bà Bùi Thị Lưu Quang khai hoang từ thời điểm trước năm 1991, sau đó sang nhượng lại cho ông Nguyễn Nhứt Minh và bà Trần Thị Túy. Đến ngày 26/11/1991, ông Nguyễn Nhứt Minh và bà Trần Thị Túy bán lại cho ông Trần Hồ và bà Nguyễn Thị Thương với diện tích đất 65m² (có xác nhận của cơ quan cấp thẩm quyền). Sau đó vào năm 1992, ông Trần Hồ khai hoang thêm một phần diện tích như khuôn viên hiện tại. Tổng diện tích thửa đất sau khi khai hoang vào thời điểm năm 1992 là 121,4m² (diện tích theo bản đồ năm 1996).</p> <p>Đến tháng 6/1997 vợ chồng ông Trần Hồ xây dựng nhà ở trên đất. Ngày 20/10/2005, vợ chồng ông Trần Hồ lập giấy tờ tặng cho nhà đất cho con trai là ông Trần Quang Linh (bằng giấy viết tay không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền) với diện tích và khuôn viên như hiện nay. Thửa đất này không thuộc quỹ đất công, đất do nhà nước quản lý.</p> <p>* Thời điểm sử dụng đất:</p> <p>+ Tháng 11/1991 hộ ông Trần Hồ nhận chuyển nhượng của hộ ông Nguyễn Nhứt Minh (có xác nhận của cơ quan cấp thẩm quyền).</p> <p>+ Tháng 10/2005 (theo giấy tặng cho nhà đất của vợ chồng ông Trần Hồ và bà Nguyễn Thị Thương cho con là ông Trần Quang Linh).</p> <p>* Thời điểm xây dựng nhà, vật kiến trúc: Tháng 6/1997 (căn cứ Hợp đồng mua bán nước lập ngày 10/6/1997).</p> <p>* Tình trạng nhà đất: Hộ gia đình ăn ở, sinh hoạt ổn định tại thửa đất giải tỏa và không có tranh chấp với các hộ liên kế.</p> <p>* Tổng diện tích đất đang sử dụng: 121,4m²</p> <p>* Khuôn viên, ranh giới thửa đất:</p> <p>Đông giáp: đường đi Bắc giáp: thửa số 88 Tây giáp: thửa số 92 Nam giáp: thửa số 92</p> <p>* Loại đất: Hộ gia đình tự chuyển mục đích để xây dựng nhà ở.</p>	<p>I/ Về đất:</p> <p>- Tổng diện tích (Thửa 93): m² 121,40</p> <p>+ DT đất giải tỏa: m² 121,40</p> <p>+ DT đất còn lại: m² 0,00</p> <p>** Căn cứ pháp lý áp dụng:</p> <p>+ Khoản 1, Điều 13, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>+ Điểm a Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>+ Điểm a, Khoản 1, Điều 7 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;</p> <p>- Diện tích đất được bồi thường: m² 121,40</p> <p><i>Căn cứ Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa.</i></p> <p>- Bồi thường đất ở vì xây dựng nhà sau 15/10/1993 đến trước 01/7/2004: m² 121,40 3.600.000 100% 437.040.000</p> <p><i>Áp giá đường 2/4 (đoạn từ phía Nam cầu Hà Ra đến đường Hòn Chông vào khu dân cư Vĩnh Phước) - vị trí 4. Đơn giá: 4.800.000đ/m²</i></p> <p><i>Nộp tiền sử dụng đất do hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004, mức thu tiền sử dụng bằng 50% tiền sử dụng đất tương ứng với phần diện tích đất ở bị thu hồi trong hạn mức theo giá đất 2.400.000 đ/m²</i></p> <p><i>(4.800.000đ/m² x 100%) - (2.400.000đ/m² x 50%) = 3.600.000 đ/m²</i></p> <p>II/ Tài sản gắn liền với đất:</p> <p>1- Công trình, vật kiến trúc:</p> <p>+ Ngày khóa số: (TB thu hồi đất: 534/TB-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Tp Nha Trang);</p> <p>** Bồi thường, hỗ trợ theo:</p> <p>+ Khoản 4, Điều 1, QĐ số 565/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p> <p>+ Tiểu mục 33, mục 3.2.1.4, khoản 3.2, STT 3 Khung chính sách tái định cư được Chính phủ phê duyệt tại văn bản 1078/TTg-QHQT ngày 22/6/2016;</p> <p>+ Mục 1.4, khoản 1, Phụ lục 2 - Ma trận quyền lợi - Khung chính sách tái định cư.</p> <p>+ Áp dụng QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p> <p>- Nhà 1 tầng, tường 200 bờ trụ, có gác lửng sàn gỗ (28,59m²), nền lát gạch, cửa gỗ, mái lợp ngói, tường sơn nước, mặt tiền sảnh BTCT có trang trí ốp đá, có hệ thống điện nước, hệ vệ sinh hoàn chỉnh.</p> <p>DTGT = DTXD = 7,1m x 8,3m = 58,93 m²</p>								437.040.000		
										424.133.150			
										421.116.150			
				m ² XD	58,93	5.049.075		100%	297.541.979				

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỒ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
		* Quá trình sử dụng đất, nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất: - Những thay đổi về diện tích đất, khuôn viên, ranh giới thửa đất: Có. - Những thay đổi về loại đất: Hộ gia đình tự chuyển mục đích để xây dựng nhà ở. * Hộ gia đình không thuộc diện trực tiếp sản xuất nông nghiệp, không có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp * Tình hình tranh chấp đối với thửa đất: Hiện nay không có đơn thư tranh chấp, khiếu nại. * Trường hợp diện tích đất thể hiện trên giấy tờ về quyền sử dụng đất có sự chênh lệch so với diện tích đất thực tế đang sử dụng. - Diện tích đất theo giấy tờ: 65m ² - Diện tích đất thực tế đang sử dụng: 121,4m ² - Diện tích đất chênh lệch tăng/giảm: 56,4m ² - Nguồn gốc tăng/giảm: Do khai hoang vào năm 1992. * Trường hợp địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng khác với địa chỉ thể hiện trên giấy tờ: - Địa chỉ thửa đất đang sử dụng: Tổ 8 Tháp Bà, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang - Địa chỉ thửa đất theo giấy tờ: Tổ 4 Tháp Bà, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang (Địa chỉ thửa đất thực tế đang sử dụng, địa chỉ thửa đất theo giấy tờ là cùng một địa chỉ thửa đất). * Các loại giấy tờ, tài liệu, người làm chứng làm căn cứ xác nhận các nội dung trên: - Sổ hộ khẩu số 32340 do ông Trần Hồ làm chủ hộ được công an TP nha Trang cấp ngày 01/11/1997 tại Tổ 4 Tháp Bà, phường Vĩnh Phước, TP Nha Trang, gồm 11 nhân khẩu. - Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 28/4/2022 của UBND phường Vĩnh Phước. - Đơn xin mua bán giữa ông Nguyễn Nhựt Minh và ông Trần Hồ ngày 26/11/1991 (có xác nhận của cơ quan cấp thẩm quyền). - Giấy cho nhà của ông Trần Hồ và bà Nguyễn Thị Thương cho con trai là ông Trần Quang Linh ngày 20/10/2005 không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền - Biên lai thu thuế nhà, đất của ông Trần Hồ năm 1997, 2000, 2001, 2002, 2003, 2005, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011. - Biên lai thu thuế phi nông nghiệp năm 2012, 2013 - Hợp đồng mua bán nước sạch ngày 10/6/1997 của ông Trần Hồ - Hợp đồng thi công đặt hệ thống cấp nước ngày 15/10/1994 (chung 7 hộ)	Áp giá PL1, STT A7, ĐG: 4.429.013đ/m ² XD. Đơn giá điều chỉnh hệ số 1,14 vì tường sơn nước. 4.429.013đ/m ² XD x 1,14 = 5.049.075đ/m ² XD + Ôp men nhà bếp. DT: 2,25m x 1,35m = 3,04m ² Áp giá PL2, STT A33, ĐG: 309.524đ/m ² - Góc lững gỗ. DT: 28,59m ² Áp giá PL5, STT6, ĐG: 887.663đ/m ² (STT33, mục B, PL1). đơn giá giảm 8,5% vì không hệ trụ đỡ 887.663 đ/m ² x (100% - 8,5%) = 812.212 đ/m ² - Công tru xây gạch cảnh thép hình. DT: 2,15m x 1,7m = 3,66m ² Áp giá PL1, STT B13, ĐG: 3.155.839đ/m ² - Tường rào lưới B40 dài 20,82m tính từ mặt móng cao 1,2m, cột trụ gạch cao 1,3m, móng 2 lớp đá chẻ + Tường rào lưới B40 dài 20,82m tính từ mặt móng cao 1,2m, cột trụ gạch cao 1,3m. Áp giá PL1, STT B11, ĐG: 398.844đ/md + Móng 2 lớp đá chẻ: 0,2m x 0,4m x 20,82m = 1,666m ³ Áp giá PL1, STT B30, ĐG: 2.210.809đ/m ³ - Mái che cột kèo gỗ, mái tole, nền xi măng (trước): 2,8m x 7m = 19,6 m ² Áp giá PL1, STT B2, ĐG: 356.163đ/m ² , tăng 8,5% vì nền xi măng. 356.163đ/m ² + (356.163đ/m ² x 8,5%) = 386.437đ/m ² - Mái che kèo gỗ mái tole, nền xi măng (bên hông nhà). DT: (3,3m x 2,4m) + (3,2m x 3,9m) = 20,4 m ² Áp giá PL1, STT B3, ĐG: 607.922đ/m ² - Nhà 1 tầng, tường xây gạch 100 + sơn nước, mái tole, nền gạch men, cửa gỗ, không trần, có hệ thống điện nước, hệ vệ sinh hoàn chỉnh. DTGT = DTXD = 2,8m x 5,4m = 15,12 m ² Áp giá PL1, STT A5, ĐG: 3.266.890đ/m ² XD. Đơn giá điều chỉnh với hệ số 1,14 vì tường sơn nước, giảm 8,5% vì không bố trụ và không trần, cộng thêm 250.442đ/m ² vì nền gạch men 3.266.890đ/m ² XD x 1,14 - (3.266.890 x 8,5%) + 250.442đ/m ² = 3.697.011đ/m ² XD		m ²	3,04	309.524		100%	940.953		
				m ²	28,59	812.212		100%	23.221.131			
				m ²	3,66	3.155.839		100%	11.550.371			
				m ²	1,67	2.210.809		100%	3.683.208			
				m ²	19,60	386.437		100%	7.574.162			
				m ²	20,40	607.922		100%	12.401.609			
				m ² XD	15,12	3.697.011		100%	55.898.806			
									1.062.000			
			2 - Tài sản khác: Áp dụng QĐ số 14/2017/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa:									
			- Đồng hồ điện	TH	1	1.062.000			1.062.000			
			- Đồng hồ nước	TH	1	Không bồi thường vì được lắp đặt đồng hồ nước tại nơi ở mới						
			3 - Cây trồng: Áp dụng QĐ số 2179/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa:						1.955.000			

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
		- Thửa 93 thuộc vị trí 4 - tiếp giáp nhánh rẽ Đường 2/4 (đoạn từ phía Nam cầu Hà Ra đến đường Hòn Chông vào khu dân cư Vĩnh Phước) - (theo biên bản làm việc về việc xác định độ rộng hẻm hiện trạng ngày 28/4/2022) - Biên bản họp HDBT ngày 04/7/2022 - Thông báo số 158/TB-HDBT ngày 29/7/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang V/v niêm yết phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang - Biên bản niêm yết ngày 01/8/2022 - Biên bản kết thúc niêm yết ngày 20/8/2022 - Biên bản họp đối thoại ngày 24/8/2022	- Sake loại A - Cây xanh loại A - Măng cầu ta loại A - Thanh long loại A - Xương rồng loại B III/ Bồi thường chi phí di chuyển tài sản: Không bồi thường theo văn bản số 1907/STNMT-CCQLĐĐ ngày 17/5/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường. IV/ Chính sách hỗ trợ: 1- Hỗ trợ ổn định đời sống: + Áp dụng Điểm 1a, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa; + Căn cứ biên bản xác minh số nhân khẩu và tình trạng ăn ở thực tế của UBND phường Vĩnh Phước ngày 8/10/2021 (STT 13). (30kg/tháng/NK x 6 tháng x 1 nhân khẩu = 180kg) (Giá gạo theo CV số 2483/STC-QLG ngày 01/7/2022 của Sở Tài Chính tỉnh Khánh Hòa. ĐG 13.293đ/kg) 2 - Hỗ trợ tiền thuê nhà: Áp dụng Điểm 2a, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa - Hỗ trợ tiền thuê nhà: Hộ có 05 nhân khẩu trở xuống mức hỗ trợ 2.500.000đ/tháng 3 - Hỗ trợ tiền di chuyển: Áp dụng Điểm 2e, Khoản 4, Điều 1 QĐ số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa - Hỗ trợ thêm 1 lần di chuyển đến chỗ ở mới ngoài địa bàn phường nơi giải tỏa * Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (I + II + III + IV) V/ Phần khen thưởng Căn cứ Khoản 1 Điều 35 QĐ số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa; - Xét khen thưởng: được thưởng 10% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ mức thưởng thấp nhất không dưới một (01) triệu đồng và cao nhất không quá tám (08) triệu đồng; Chỉ chi trả tiền khi hộ gia đình, cá nhân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất, giao mặt bằng trong thời gian quy định. - Trường hợp theo yêu cầu phải bàn giao mặt bằng cho dự án trước thời hạn (khi chưa nhận tiền hoặc chưa nhận đất tái định cư) thì ngoài khoản thưởng trên còn được thưởng đồng viên ba (03) triệu đồng/hộ * Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, khen thưởng (I + II + III + IV + V)	cây	1	150.000			150.000			
				cây	3	150.000			450.000			
				cây	1	695.000			695.000			
				bụi	2	230.000			460.000			
				cây	2	100.000			200.000			
									0			
									15.892.740			
									2.392.740			
				kg	180	13.293		100%	2.392.740			
									7.500.000			
				tháng	3	2.500.000		100%	7.500.000			
									6.000.000			
				hộ	1	6.000.000		100%	6.000.000			
									877.065.890			
									11.000.000			
				hộ	1	8.000.000			8.000.000			
				hộ	1	3.000.000			3.000.000			
									888.065.890			

STT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ (Nơi ở và nơi giải tỏa)	GIẤY TỜ NGUỒN GỐC NHÀ ĐẤT	NỘI DUNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ	Đơn vị tính	Khối lượng BT, HT	Đơn giá (đồng)	Mức BT (%)	Mức HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	TỔNG TIỀN (đồng)	KÝ NHẬN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
VI/ Tái định cư:											
	<p>- Căn cứ Điều 23, Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa;</p> <p>- Căn cứ văn bản số 9552/CNNT ngày 12/10/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Nha Trang - hộ gia đình không sở hữu nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn phường Vĩnh Phước;</p> <p>- Căn cứ Quyết Định số 1814/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa.</p> <p>- Căn cứ Biên bản chọn lô đất tái định cư (dự kiến) ngày 06/9/2022 - Hộ gia đình đã chọn: Lô số 149 Khu TĐC Ngọc Hiệp, tiếp giáp 02 đường: đường số 14 rộng 13m và đường số 3 rộng 10m, diện tích 62,5m².</p>	<p>* Được xét giao 01 lô tái định cư</p> <p>- Lô số 149 Khu Tái định cư Ngọc Hiệp, diện tích 62,5m², tiếp giáp 02 đường: đường số 14 rộng 13m và đường số 3 rộng 10m.</p> <p>- Đơn giá đất tái định cư Lô số 149, tiếp giáp 02 đường: đường số 14 rộng 13m và đường số 3 rộng 10m, diện tích 62,5 m² đơn giá: 10.800.000đồng/m² x 1,1 = 11.880.000 đồng/m² (1,1 là hệ số tiếp giáp 2 mặt đường)</p> <p>- Thành tiền: 62,5 m² x 11.880.000 đ/m² = 742.500.000 đồng</p>									

- VII Khấu trừ tiền bồi thường, hỗ trợ về đất vào giá trị đất ở được giao tại khu tái định cư:**
- Căn cứ Điều 26 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 về việc ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
 - Căn cứ QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa V/v quy định bảng giá xây dựng mới các loại công trình, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa:
 - + **Diện tích xây dựng nhà ở TĐC tối thiểu (Diện tích của nhà tái định cư tối thiểu không dưới 60m²):** = diện tích đơn vị ở tối thiểu 15m²/người x số nhân khẩu của hộ tái định cư (được
 - + **Đơn giá xây dựng nhà TĐC: Áp giá, PL1, mục A, STT 11, QĐ số 17/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa:** Đơn giá 3.565.458đ/m² (đơn giá mái tôn)

Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)			Xác định giá trị nhà ở tái định cư tối thiểu và số tiền phải nộp tiền SDD										Xác định số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất phải khấu trừ tiền SDD của lô TĐC và số tiền BT, HT còn lại phải trả cho hộ dân (đồng)			
Số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà và vật kiến trúc trên đất			Các khoản bồi thường, hỗ trợ không tính kinh phí khen thưởng	Tổng KP (Không có khen thưởng)	Số nhân khẩu của hộ TĐC	Số hiệu lô đất TĐC	Diện tích lô TĐC được cấp (m ²)	Đơn giá đất TĐC (đồng/m ²)	Tiền SDD lô TĐC (đồng)	DT xây nhà ở TĐC tối thiểu (m ²)	Đơn giá xây dựng nhà TĐC tối thiểu (đồng/m ²)	Giá trị nhà ở tái định cư tối thiểu (đồng)	Số tiền giữ lại để xây nhà TĐC còn thiếu (nếu có)	Số tiền BT, HT về đất phải giữ lại nộp tiền SDD	Tiền sử dụng đất của lô TĐC còn lại phải nộp	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ còn lại (chi trả cho dân)
BT về đất	BTHT nhà và VKT	Tổng cộng														
(1)	(2)	(3) = (1)+(2)	(4)	(5)=(3)+(4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (8) x (9)	(11)	(12)	(13) = (11) x (12)	(14) = (13) - (2)	(15) = (13) - (14)	(16) = (10) - (15)	(17) = (5) - (15)
437.040.000	422.178.150	859.218.150	17.847.740	877.065.890	1	Lô số 149 Khu Tái định cư Ngọc Hiệp, tiếp giáp 02 đường: đường số 14 rộng 13m và đường số 3 rộng 10m.	62,5	11.880.000	742.500.000	60,0	3.565.458	213.927.480	0	437.040.000	305.460.000	440.025.890

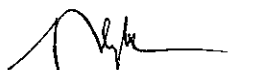
* Ghi chú: Căn cứ Điều 26 Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa: Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về nhà và vật kiến trúc trên đất 422.178.150 đồng (chưa tính bồi thường, hỗ trợ về đất) lớn hơn số tiền xây dựng nhà ở tái định cư tối thiểu (213.927.480 đồng), thì hộ gia đình phải khấu trừ từ tiền bồi thường về đất (437.040.000 đồng) vào giá trị lô đất tái định cư (742.500.000 đồng)

BẢNG TỔNG HỢP
DỰ ÁN: MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG CÁC THÀNH PHỐ DUYN HẢI - TIỂU DỰ ÁN NHA TRANG
Hạng mục: Xây dựng Đường Chử Đồng Tử


STT	Đối tượng thu hồi đất	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ giải tỏa	THỬA	TỜ BDTĐ	Tổng DT	DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI (m ²)				SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (đồng)					Khen thưởng (đồng)
							Tổng DT thu hồi	Đất ở	Đất nông nghiệp	Đất khác	Tổng số tiền BT, HT	BT, HT về đất	BT, HT về tài sản	BT, HT về cây trồng	Hỗ trợ khác	
1	Ông Bùi Thế Dũng	Tổ 5 Tháp Bà, phường Vinh Phước, thành phố Nha Trang	14 Ngô Đền, phường Vinh Phước, thành phố Nha Trang	26	48 - 2021	99,20	99,20	99,20			1.455.521.407	1.095.168.000	342.330.667	2.130.000	15.892.740	11.000.000
2	Ông Lê Văn Tùng (chết) Bà Nguyễn Thị Lùn (chết) Con gái là Bà Lê Thị Hiếu (đại diện)	Tổ 8 Tháp Bà, phường Vinh Phước, thành phố Nha Trang	35/8 Ngô Đền, phường Vinh Phước, thành phố Nha Trang	17	48 - 2021	76,20	76,20	39,29	36,91		507.480.233	230.447.940	195.284.753	0	81.747.540	11.000.000
3	Ông Nguyễn Điện (chết) Bà Huỳnh Thị Lệ Kim Hoa	Tổ 4 Tháp Bà, phường Vinh Phước, thành phố Nha Trang	35/6 Ngô Đền, phường Vinh Phước, thành phố Nha Trang	18	48-2021	88,80	62,10	62,10			1.018.819.550	298.080.000	688.075.850	0	32.663.700	11.000.000
4	Ông Trần Quang Linh	Tổ 04 Tháp Bà, P. Vinh Phước, TP Nha Trang.	Tổ 08 Tháp Bà, P. Vinh Phước, TP Nha Trang.	93	48-2021	121,40	121,40	121,40			877.065.890	437.040.000	422.178.150	1.955.000	15.892.740	11.000.000
	Tổng			04		385,60	358,90	321,99	36,91	0,00	3.858.887.080	2.060.735.940	1.647.869.420	4.085.000	146.196.720	44.000.000

Kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 3.858.887.080 đồng
 Kinh phí tổ chức thực hiện (2%): 77.177.742 đồng
 Kinh phí khen thưởng: 44.000.000 đồng
 Tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ: 3.980.065.000 đồng
 (Bảng chữ: Ba tỷ, chín trăm tám mươi triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)

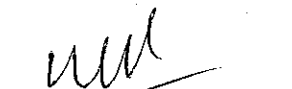
Người lập


 Phan Phương Hà

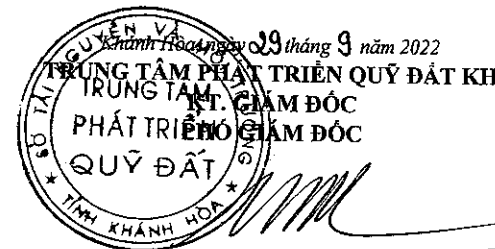
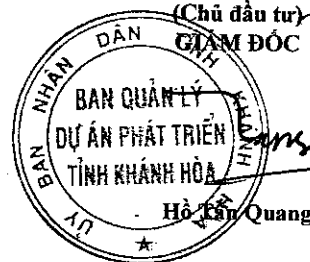
Người soát


 Lê Thị Thu Nguyệt

Phụ trách phòng


 Hà Sơn Hùng

Ban QLDA Phát Triển KH
 (Chủ đầu tư)



Nguyễn Minh Tuấn



